

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/DS-PT

Ngày: 21/3/2019

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**

2/ Ông **Nguyễn Văn Hậu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hiếu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 544/2018/TLPT-DS ngày 06/11/2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 537/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 700/2019/QĐ-PT ngày 21/02/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông **Hứa Văn H1**, sinh năm 1957

Địa chỉ: số 41/1 Đường I, phường 14, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Hứa Phi H2**, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 14/2 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Hứa Kim A**, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H1, ông H2 cùng ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị Như H4**, sinh năm

1986. Địa chỉ: 152/54/39F Đường K, phường 3, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2017)

Bị đơn: Bà **Hứa Kim N1**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hứa Kim C**, sinh năm 1954

Địa chỉ: 149/7 Đường O, phường Q, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Hứa Kim P1**, sinh năm 1956

Địa chỉ: 80/10/7A Đường U, phường 14, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Hứa Thị N2**, sinh năm 1961

Địa chỉ: số 14/2 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông **Hứa Thành Đ**, sinh năm 1968

Địa chỉ: số 14/14 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N2, ông Đ, bà C, bà P1 cùng ủy quyền cho bà Hứa Kim N1 (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2017 và ngày 20/12/2017)

5. Ông **Hứa Văn M** (chết năm 2014), các đồng thừa kế của ông M gồm:

- Bà **Lưu Ngọc A2**, sinh năm 1959
- Ông **Hứa Thanh P2**, sinh năm 1980
- Bà **Hứa Thanh T**, sinh năm 1985
- Ông **Hứa Thanh P3**, sinh năm 1991
- Bà **Hứa Thanh X**, sinh năm 1993

Cùng trú tại: 6L/27A Đường S, phường 14, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng ủy quyền cho bà Hứa Thanh T (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2017)

6. Ông **Hứa Thuận P4**, sinh năm 1964

7. Ông **Hứa Phi L**, sinh năm 1973

8. Ông **Hứa Phi H3**, sinh năm 1999

9. Trẻ **Hứa Phi V**, sinh năm 2004

10. Trẻ **Hứa Phi N3**, sinh năm 2013

Người Đ diện theo pháp luật của trẻ Hứa Phi V và Hứa Phi N3 là ông Hứa

Phi L (cha ruột).

Cùng địa chỉ: số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm:

Đ diện các nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Hứa Tài L1 (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị C1 (chết năm 2017) tạo lập. Trong quá trình chung sống ông L1 và bà C1 sinh được 11 người con gồm: Hứa Văn H1, Hứa Phi H2, Hứa Kim A1, Hứa Kim N1, Hứa Kim C, Hứa Kim P1, Hứa Văn M, Hứa Thị N2, Hứa Thuận P4, Hứa Thành Đ, Hứa Phi L. Khi chết, ông L1 – bà C1 không lập di chúc. Các con của ông L1 – bà C1 chỉ biết cha mẹ của ông L1, bà C1 sống ở Đài Loan và mất từ lâu, không ai biết tên và năm mất của ông bà nội, ngoại.

Phía nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thành 11 phần bằng nhau. Giá trị nhà, đất được xác định là 3.200.000.000 (ba tỷ hai trăm triệu) đồng. Các đồng nguyên đơn có có yêu cầu được nhận căn nhà, đất giao cho bà Hứa Kim A1 sinh sống và làm nơi thờ tự. Các đồng nguyên đơn sẽ hoàn trả phần giá trị được hưởng cho các đồng thừa kế còn lại. Ông Hứa Văn H1 không yêu cầu, không tranh chấp đối với tiền sửa chữa, xây dựng nhà năm 2002 là 150.000.000đồng.

Bị đơn bà Hứa Kim N1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế, nguồn gốc căn nhà, đất số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; thống nhất về giá trị nhà, đất căn nhà trên là 3.200.000.000 (ba tỷ hai trăm triệu) đồng và thống nhất chia giá trị nhà, đất thành 11 phần bằng nhau.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn muốn nhận căn nhà trên để bà Hứa Kim A1 sinh sống và thờ tự thì bà không đồng ý. Lý do bà và gia đình ông Hứa Phi L sống cùng cha mẹ tại đây từ lúc sinh ra cho đến nay, khi cha mẹ đau ốm đến lúc chết cũng do bà và các anh chị cùng nhau chăm sóc, từ trước đến nay bà và các anh em thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ tại căn nhà này. Riêng đối với ông H1, ông H2, bà Kim A1 từ sau khi ba mất, đám giỗ, lễ tết cũng ít khi về tham dự, chỉ thỉnh thoảng mới về thăm mẹ. Bà Kim A1 đã đến phụ giúp việc cho gia đình

ông H1 từ năm 1990 và sống luôn tại đó cho đến nay. Sau khi mẹ mất được 05 tuần thì các nguyên đơn đòi làm trai tăng kéo dài 4-5 ngày, do thấy nhà nhỏ hẹp, hẻm trước nhà là lối đi thường xuyên, nếu làm đám như vậy sẽ ảnh hưởng đến hàng xóm nên bà không đồng ý, lúc đó các nguyên đơn đã có ý kiến sẽ khởi kiện chia thừa kế và lấy căn nhà, không cho bà và gia đình ông L ở. Thực tế từ trước đến nay mặc dù các nguyên đơn ít qua lại thăm hỏi anh em nhưng không hề có mâu thuẫn gì, chỉ duy nhất lần cãi nhau do không thống nhất làm đám tuần của mẹ. Do đó, để cuộc sống ổn định, không có sự xáo trộn bà đề nghị được nhận và sở hữu căn nhà làm nơi thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ như từ trước tới nay và bà sẽ có trách nhiệm hoàn lại giá trị di sản được hưởng cho các đồng thừa kế còn lại.

Bà xác định không yêu cầu, không tranh chấp đối với số tiền sửa chữa, xây dựng nhà năm 2002 là 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Hứa Kim C, bà Hứa Kim P1, bà Hứa Thị N2, ông Hứa Thành Đ, ông Hứa Thuận P4 và ông Hứa Phi L trình bày: thống nhất với lời khai bà Hứa Kim N1, đồng ý chia giá trị nhà, đất số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thành 11 phần bằng nhau; đề nghị Tòa án giao căn nhà trên cho bà N1 sở hữu làm nơi thờ tự của gia đình như từ trước đến nay.

Các đồng thừa kế của ông Hứa Văn M gồm: Bà Lưu Ngọc A2, ông Hứa Thanh P2, bà Hứa Thanh T, ông Hứa Thanh P3, bà Hứa Thanh X trình bày: Ông Hứa Văn M kết hôn với bà Lưu Ngọc A2, hai bên có 04 người con chung là Hứa Thanh P2, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P3, Hứa Thanh X. Năm 2004, ông M bị bệnh mất; nay các người con là người thừa kế thế vị của ông M đồng ý với ý kiến của bà N1, chia giá trị nhà, đất căn nhà số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh thành 11 phần bằng nhau, đề nghị Tòa án giao căn nhà trên cho bà N1 sở hữu làm nơi thờ tự của gia đình như từ trước đến nay.

Những người sống tại căn nhà trên hiện có ông Hứa Phi H3 trình bày: ông là con của ông Hứa Phi L, ông sống tại căn nhà trên từ nhỏ cho đến nay. Ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

Trẻ Hứa Phi V và Hứa Phi N3 (con ông Hứa Phi L) do ông L Đ diện theo pháp luật cũng không có ý kiến và yêu cầu gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 537/2018/DS-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận H đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thừa kế của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BE

472426 do UBND Quận H cấp ngày 09/5/2011 có giá trị tương đương số tiền là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Xác định hàng thừa kế của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1 gồm: ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1, bà Hứa Kim N1, bà Hứa Kim C, bà Hứa Kim P1, ông Hứa Văn M, bà Hứa Thị N2, ông Hứa Thuận P4, ông Hứa Thành Đ, ông Hứa Phi L mỗi người được một phần bằng nhau là 290.909.091 đồng tương đương 9,09% giá trị căn nhà và đất.

Người thừa kế thế vị của ông Hứa Văn M (mất năm 2004) gồm có 04 người con: Hứa Thanh P2, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P3, Hứa thanh X mỗi người được một phần bằng nhau là 72.727.272 đồng tương đương 2,27% giá trị căn nhà và đất.

3. Giao cho bà Hứa Kim N1 được sở hữu căn nhà và đất tọa lạc tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hứa Kim N1 có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị các kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo tỷ lệ đã được phân chia.

Sau khi bà Hứa Kim N1 hoàn thành các nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế và nghĩa vụ đối với nhà nước, bà Hứa Kim N1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

4. Nếu quá thời hạn trên bà Hứa Kim N1 không thực hiện hoàn trả giá trị di sản mà các người thừa kế được hưởng theo quy định tại điểm 2 thì các ông bà Hứa Văn H1, Hứa Phi H2, Hứa Kim A1, Hứa Kim C, Hứa Kim P1, Hứa Thanh P2, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P3, Hứa Thanh X, Hứa Thị N2, Hứa Thuận P4, Hứa Thành Đ, Hứa Phi L có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án PHÁT mãi căn nhà và đất nêu trên để phân chia theo đúng phần giá trị mỗi người được hưởng sau khi trừ đi chi phí thi hành án.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hứa Kim N1 đồng ý cho ông Hứa Phi L và các con tiếp tục lưu cư tại căn nhà trên. Trong trường hợp bà N1 không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các đồng thừa kế và nhà nước dẫn đến phải phát mãi toàn bộ căn nhà trên để thi hành án thì bà N1 và những người sống tại căn nhà trên phải có trách nhiệm thu dọn đồ đạc, tài sản ra khỏi nhà đất trên để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thủ tục phát mãi căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/10/2018, các nguyên đơn ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu giao căn nhà và đất số 12 Bửu Đình phường 5, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Hứa Kim A1

được nhận; bà Kim A1 sẽ thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như H4 trình bày: đồng ý với án sơ thẩm xác định căn nhà và đất số 12 Đường B, Phường G, Quận H được UBND Quận H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 09/5/2011 là di sản của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1. Nhà, đất có giá trị 3.200.000.000đồng. Ông L1 và bà C1 chết không lập di chúc nên di sản để lại cho 11 người con của ông bà, mỗi kỷ phần được hưởng 9,09% giá trị nhà đất tương đương với số tiền 290.909.091đồng. Tuy nhiên bản án sơ thẩm tuyên giao cho bà Hứa Kim N1 được sở hữu căn nhà và đất, bà N1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế theo tỉ lệ phân chia, phía nguyên đơn không đồng ý. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giao cho bà Hứa Kim A1 được nhận nhà và đất, bà Kim A1 sẽ thanh toán cho các đồng thừa kế khác giá trị các kỷ phần theo tỉ lệ phân chia vì hiện nay bà Kim A1 chưa có nhà ở. Ông H1, ông H2 không có yêu cầu được sở hữu nhà, đất. Ông H1 không có yêu cầu tranh chấp gì đối với số tiền đã bỏ ra sửa chữa nhà.

Bị đơn bà Hứa Kim N1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, bà yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đ diện của bà Hứa Kim C, bà Hứa Kim P1, bà Hứa Thị N2, ông Hứa Thành Đ có bà Hứa Kim N1 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, các ông bà yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện của bà Lưu Ngọc A2, Hứa Thanh P2, Hứa Thanh P3, Hứa Thanh X có bà Hứa Thanh T và bà Hứa Thanh T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, các ông bà yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Hứa Phi L, ông Hứa Thuận P4 không đồng ý yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn, ông yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ông Hứa Phi H3 vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục tại phiên tòa. Người tham gia tố tụng đúng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Quận H cấp ngày 09/5/2011 cấp cho bà Nguyễn Thị C1. Căn cứ lời khai của các đương sự thì nhà đất là tài sản chung của ông L1, bà C1. Căn cứ các giấy chứng tử, giấy khai sinh có trong hồ sơ thì ông L1 chết năm 2007, bà C1 chết 2017, ông M chết 2004, các con của ông M được nhận thừa kế thế vị. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản, chia cho các đồng thừa kế mỗi người được hưởng 9,09% giá trị nhà đất.

Kết quả xác minh thể hiện căn nhà, đất có 5 người thực tế sinh sống, ông H1 đã có gia đình và nhà riêng, bà Anh sống cùng với gia đình ông H1 từ 1990 đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giao nhà cho bà N1 sở hữu và thanh toán lại tiền cho các đồng thừa kế khác. Tại cấp phúc thẩm, ông Hùng, ông H2 đề nghị giao nhà cho bà Anh là không có căn cứ. Căn nhà trên bà N1 cùng với gia đình ông L là người sinh sống ổn định tại căn nhà trên gia đình. Nội dung án sơ thẩm quyết định như vậy là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1 làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đương sự có kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông Hứa Thuận P4, ông Hứa Phi V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, lời khai nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định: căn nhà, đất tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1 tạo lập. Năm 2007, ông Hứa Tài L1 chết. Bà Nguyễn Thị C1 làm thủ tục công nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở. Tại Tờ ưng thuận lập ngày 29/10/2010 có UBND Quận H chứng thực chữ ký thể hiện các người con của ông L1 – bà C1 đồng ý để bà C1 đại diện cho các đồng thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà, đất

nêu trên. Ngày 09/5/2011, UBND Quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên bà Nguyễn Thị C1. Như vậy, căn nhà và đất tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung hợp pháp của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1.

Ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1 chung sống với nhau có tất cả 11 người con gồm: Hứa Kim C, sinh năm 1954; Hứa Kim P1, sinh năm 1956; Hứa Văn H1, sinh năm 1957; Hứa Văn M (chết 2014); Hứa Thị N2, sinh năm 1961; Hứa Thuận P4, sinh năm 1964; Hứa Thành Đ, sinh năm 1968, Hứa Phi H2, sinh năm 1971, Hứa Kim N1, sinh năm 1972, Hứa Phi L, sinh năm 1973, Hứa Kim A1, sinh năm 1975.

Ông Hứa Văn M chết 2014 có vợ bà Lưu Ngọc A2 và 04 người con Hứa Thanh P3, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P2, Hứa Thanh X.

Ông Hứa Tài L1 chết ngày 10/02/2007, bà Nguyễn Thị C1 chết ngày 04/6/2017. Trước khi chết, ông bà đều không lập di chúc nên di sản được chia theo pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị di sản, những người được hưởng thừa kế và phân chia di sản cho mỗi người con của ông L1 – bà C1 được hưởng một phần bằng nhau số tiền 290.909.091 đồng tương đương 9,09% giá trị nhà và đất. Giao cho bà N1 được sở hữu nhà, đất và có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác giá trị bằng tiền. Tất cả các đương sự đều thống nhất với kết quả phân chia di sản và đồng ý nhận tiền. Riêng bà Hứa Kim A1 không đồng ý nhận tiền mà yêu cầu được nhận nhà, đất để ở và giao tiền cho các đồng thừa kế khác vì bà chưa có chỗ ở.

Hội đồng xét xử xét: Căn cứ theo hiện trạng sơ đồ nhà đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì căn nhà số 12 Đường B, Phường G, Quận H có diện tích nhà bằng diện tích đất 27,2m². Với diện tích nhà đất như trên thì không đảm bảo chia cho bà A1 và bà N1 cùng sở hữu. Mặt khác, quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, lời khai nhận của các đương sự đều xác định bà N1 ở tại nhà này từ nhỏ cho đến nay và có hộ khẩu tại căn nhà này. Theo kết quả xác minh tại Công an phường 5, Quận H thì bà Hứa Kim A1 có hộ khẩu tại nhà số 12 Đường B, Phường G, Quận H nhưng thực tế không cư trú tại đây từ năm 1990 đến nay. Do đó, bà N1 là người đã trực tiếp bảo quản, gìn giữ, sử dụng nhà đất từ sau khi cha mẹ chết đến nay. Các ông Hứa Văn H1, Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1 có nơi ở khác ổn định. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giao cho bà N1 được nhận nhà, đất và giao tiền cho các đồng thừa kế khác là tạo điều kiện cho bà N1 có chỗ ở ổn định, phù hợp với ý kiến của các anh chị em khác và không trái với quy định pháp luật. Phía nguyên đơn kháng cáo đòi giao nhà, đất cho bà Hứa Kim A1 được quyền sở hữu và bà Kim A1 sẽ

thanh toán lại giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích ở trên.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Án phí: do không chấp nhận kháng cáo nên bà Hứa Kim A1, ông Hứa Phi H2 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng. Ông Hứa Văn H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1; giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thừa kế của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số BE 472426 do UBND Quận H cấp ngày 09/5/2011 có giá trị tương đương số tiền là 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Xác định hàng thừa kế của ông Hứa Tài L1 và bà Nguyễn Thị C1 gồm: ông Hứa Văn H1, ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1, bà Hứa Kim N1, bà Hứa Kim C, bà Hứa Kim P1, ông Hứa Văn M, bà Hứa Thị N2, ông Hứa Thuận P4, ông Hứa Thành Đ, ông Hứa Phi L, mỗi người được một phần bằng nhau là 290.909.091 (Hai trăm chín mươi triệu chín trăm lẻ chín nghìn không trăm chín mươi một)đồng tương đương 9,09% giá trị căn nhà và đất.

Người thừa kế thế vị của ông Hứa Văn M (mất năm 2004) gồm có 04 người con: Hứa Thanh P2, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P3, Hứa thanh X mỗi người được một phần bằng nhau là 72.727.272 (Bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi hai)đồng tương đương 2,27% giá trị căn nhà và đất.

3. Giao cho bà Hứa Kim N1 được sở hữu căn nhà và đất tọa lạc tại số 12 Đường B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hứa Kim N1 có

nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị các kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế N2y sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo tỷ lệ đã được phân chia.

Sau khi bà Hứa Kim N1 hoàn thành các nghĩa vụ đối với các đồng thừa kế và nghĩa vụ đối với nhà nước, bà Hứa Kim N1 có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật.

4. Nếu quá thời hạn trên bà Hứa Kim N1 không thực hiện hoàn trả giá trị di sản mà các người thừa kế được hưởng theo quy định tại điểm 2 thì các ông bà Hứa Văn H1, Hứa Phi H2, Hứa Kim A1, Hứa Kim C, Hứa Kim P1, Hứa Thanh P2, Hứa Thanh T, Hứa Thanh P3, Hứa Thanh X, Hứa Thị N2, Hứa Thuận P4, Hứa Thành Đ, Hứa Phi L có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án PHÁT mãi căn nhà và đất nêu trên để phân chia theo đúng phần giá trị mỗi người được hưởng sau khi trừ đi chi phí thi hành án.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hứa Kim N1 đồng ý cho ông Hứa Phi L và các con tiếp tục lưu cư tại căn nhà trên. Trong trường hợp bà N1 không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với các đồng thừa kế và nhà nước dẫn đến phải phát mãi toàn bộ căn nhà trên để thi hành án thì bà N1 và những người sống tại căn nhà trên phải có trách nhiệm thu dọn đồ đạc, tài sản ra khỏi nhà đất trên để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thủ tục phát mãi căn nhà trên theo quy định của pháp luật.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hứa Kim C, bà Hứa Kim P1, ông Hứa Văn H1 là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí dân sự. Trả lại cho ông Hứa Văn H1 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0028368 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.

Ông Hứa Phi H2, bà Hứa Kim A1 mỗi người phải chịu 14.545.455 (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng, cần trừ tiền tạm ứng án phí 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng ông H2, bà Anh đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0028368 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, ông H2, bà Anh mỗi người còn phải nộp 12.795.455 (Mười hai triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng.

Bà Hứa Kim N1, bà Hứa Thị N2, ông Hứa Thuận P4, ông Hứa Thành Đ, ông Hứa Phi L mỗi người phải chịu 14.545.455 (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hứa Thanh P2, bà Hứa Thanh T, ông Hứa Thanh P3, bà Hứa Thanh X mỗi người phải chịu 3.636.363 (Ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi ba) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hứa Kim A1, ông Hứa Phi H2 mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Anh đã nộp tại Biên lai thu số 0010366 ngày 12/10/2018, cần trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông H2 đã nộp tại Biên lai thu số 0010367 ngày 12/10/2018 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, các ông bà đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Hứa Văn H1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận H, TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, C Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Tân Bình, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung